TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 07-5-2019
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Thức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Chí Lin.

2. Bà: Trương Thị Kim Tiến.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 07/5/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 196/2019/TLST-HNGĐ ngày 12/3/2019 về việc "*Ly hôn*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/4/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 53/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23/4/2019, giữa:

1. *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị H, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Khu vực A, thị trấn B, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn E, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An.

(Bà H có mặt, ông E vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 11/3/2019 và những lời khai tiếp theo bà Trần Thị H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn E chung sống với nhau vào năm 1995, không có đăng ký kết hôn. Bà H cho rằng bà và ông E chung sống được 01 năm thì phát

sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau nên ly thân từ năm 1996 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin ly hôn.

Về con chung: Bà H khai quá trình chung sống bà và ông E có 01 con chung tên Nguyễn Thị Yến O, sinh năm 1996. Hiện con đã trưởng thành nên khi ly hôn bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H khai không có.

Đối với ông Nguyễn Văn E, từ khi Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án cho đến nay đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông E vắng mặt, không có ý kiến gì phản hồi yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại phiên tòa, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai công khai tại phiên toà, trên cơ sở trình bày của đương sự, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thủ tục tố tụng, thẩm quyền giải quyết vụ án*:

Bà Trần Thị H xin ly hôn với ông Nguyễn Văn E. Ông E hiện đang cư trú tại ấp A, xã B, huyện Đ, Long An. Theo quy định tại các điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong đó có quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Nguyễn Văn E vắng mặt nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm theo thủ tục chung là đúng với quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về nội dung*,

[2.1] *Quan hệ hôn nhân*:

Theo bà H trình bày thì bà và ông E chung sống với nhau vào năm 1995 nhưng không có đăng ký kết hôn. Ủy ban nhân dân thị trấn B cũng có văn bản xác nhận là bà H và ông E có chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 nhưng không có đăng ký kết hôn. Như vậy, việc bà H và ông E chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn là trái với quy định tại Điều 09 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại phiên tòa, bà H xin ly hôn nhưng do cả hai sống chung với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên Tòa án phải áp dụng Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để tuyên không công nhận bà H và ông E là quan hệ vợ chồng.

[2.2]. *Về con chung*:

Bà H khai bà và ông E có 01 con chung tên Nguyễn Thị Yến O, sinh năm 1996, hiện con đã trưởng thành nên khi ly hôn bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] *Về tài sản và nợ*: Quá trình chung sống bà H khai bà và ông E không có tài sản chung và cũng không nợ ai.

Ông Nguyễn Văn E vắng mặt, không có ý kiến gì phản hồi gì về việc quá trình sống chung giữa ông và bà H có tài sản chung hay không nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp ông Nguyễn Văn E có tranh chấp về tài sản chung trong thời gian sống chung với bà H thì có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác nếu có căn cứ.

]3]. *Về án phí*: Bà Trần Thị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước là đúng quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 63, 222, 225, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 14, 15, 51, 56 và 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

***Tuyên xử*:**

1. *Về hôn nhân*: Không công nhận bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn E là quan hệ vợ chồng.

2. *Về án phí*: Bà Trần Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước nhưng được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004157 ngày 11/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, sang án phí để thi hành.

3. Án xử sơ thẩm tuyên án công khai, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Nguyễn Văn E vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND TT Đức Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Văn Công Thức